

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/05/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+BK3+BK5	7:25	5+7+4	0+0+0		4+0+18	0+0+0	
2		RP3+CTC1+MRM	7:25	2+7+12	0+0+0		0+7+13	0+0+0	
3		PVD1+BK4	7:25	22+0+0	0+0+0		17+2+3	0+0+0	
4		P2+BK16+GTC1	9:25	19+3+0	0+0+0		17+1+0	0+0+0	chuyen 1 bk16- gtc1
5		PPD+BK8+TD2	9:25	10+9+3	0+0+0		6+7+9	0+0+0	Chuyen 2 PPD- BK8
6		P3+BK10+P2	9:25	4+2+15	0+0+0		0+1+15	0+0+0	chuyen 2 bk10- P2
7		RP2+CTK3+BK6	11:25	21+1+0	0+0+0		12+5+3	0+0+0	
8		PVD1+CTC1	11:25	21+1	0+0		19+12	0+0	
9		P1+RC3+RP2	11:25	1+11+10	0+0+0		0+7+14	0+0+0	Chuyen 2 P1- RP2

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 3 Người TTC1 về bờ đi RC3, ; 2 người đi bk6 và 1 người đi CTC1 về trong ngày



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2022	TO: BK6 - BK3 - BK5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - N.Anh - Q.Trường	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUÂN VŨ	BK6	85	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	MIRSAYAPOV RUSLAN	BK6	98	1	4		100	KH-THAC	Russian
3	LÊ NGỌC AN	BK6	93	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU QUYNH AN	BK6	21	1	5		105	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN THỌ	BK6	20	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VĂN TRIỆU	BK3	15	1	15		72	MMS-SOTS	Vietnamese
7	LÊ THANH LẬP	BK3	16-17	2	10		55	MMS-SOTS	Vietnamese
8	BUI VĂN LỢI	BK3	18-19	2	12		62	MMS-SOTS	Vietnamese
9	NGUYỄN TUÂN ANH	BK3	20	1	7		67	MMS-SOTS	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN DŨNG	BK3	14	1	10		72	MMS-SOTS	Vietnamese
11	HOANG ĐĂNG THĂNG	BK3	13	1	7		70	MMS-SOTS	Vietnamese
12	TRẦN DOAN HUƠNG	BK3	21	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN HAI	BK5	61	1	5	32	68	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG ĐÌNH QUÊ	BK5	58	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	60	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
16	KIỀU VĂN TUÂN	BK5	59	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	5	5	26	418	0	4		
2	BK3	7	9	66	466	0	0		
3	BK5	4	4	19	285	32	18		
TOTAL		16	18	111	1.169	32	22		
WEIGHT KG				111	1.169	32			

GRAND TOAL: 1.312 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RP3 - CTC1 - MRM	CREW: Phong - XTrường - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ANH TUÂN	RP3	28	1	8	130	68	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VŨ HÙNG	RP3	27	1	10		77	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	99	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
4	AKOPOV D.A	CTC1	93-94	2	6	17	80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG ANH HÙNG	CTC1	2000	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	LUÔNG XUÂN THANH	CTC1	95	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SY HIẾU	CTC1	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ BẢO THANH	CTC1	98	1	8		70	NIPI	Vietnamese
9	BUI VĂN QUỐC	CTC1	96	1	6		57	GETRACO	Vietnamese
10	NAUMOV SERGEY	MRM	71	1	12		83	AMNGR	Russian
11	LE MINH PHAT	MRM	78-79	2	17		57	AMNGR	Vietnamese
12	LÊ TRUNG SƠN	MRM	80	1	6		72	D-HANH	Vietnamese
13	KIRICHENKO K.P	MRM	68	1	13		75	KHOAN	Russian
14	NGUYỄN TUÂN DƯƠNG	MRM	74	1	15		83	DVL	Vietnamese
15	VŨ HAI THĂNG	MRM	77	1	12		75	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN SỸ TUÂN	MRM	75	1	12		71	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	MRM	69	1	13		83	DVL	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN YẾN	MRM	76	1	13		63	DVL	Vietnamese
19	VŨ MẠNH NAM	MRM	70	1	10		82	DVL	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG CHIẾN	MRM	73	1	16		80	DVL	Vietnamese
21	NGO THANH SƠN	MRM	72	1	11		77	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	2	2	18	145	130	0		
2	CTC1	7	8	45	464	17	7		
3	MRM	12	13	150	901	0	13		
TOTAL		21	23	213	1.510	147	20		
WEIGHT KG				213	1.510	147			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2022	TO: PVD1 - BK4	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - thông	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC THẠCH	PVD1	76	1	7		57	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM VĂN TUYẾN	PVD1	59	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
3	EUGENE SCOTT DUBOIS	PVD1	83	1	10	19	120	PVDRILLIN	American
4	THOMAS HOGG	PVD1	80-81	2	18	5	71	PVDRILLIN	British
5	VŨ HÙNG MẠNH	PVD1	73	1	7		68	PVDRILLIN	Vietnamese
6	LÊ NGUYỄN VŨ	PVD1	72	1	6		79	PVDRILLIN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN NHANH	PVD1	69	1	5		61	PVDRILLIN	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG THẮNG	PVD1	79	1	8		69	PVDRILLIN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TUÂN	PVD1	66	1	5		73	PVDRILLIN	Vietnamese
10	LÊ BA LONG	PVD1	77-78	2	11		60	PVDRILLIN	Vietnamese
11	ĐÀO XUÂN AN	PVD1	71	1	8		83	PVDRILLIN	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN HÙNG	PVD1	74	1	5		60	PVDRILLIN	Vietnamese
13	PHẠM TÂN ĐIỀN	PVD1	62	1	7		60	PVDRILLIN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN CHUNG	PVD1	67	1	8		62	PVDRILLIN	Vietnamese
15	NGÔ BA HOÀNG	PVD1	68	1	6		65	PVDRILLIN	Vietnamese
16	PHẠM QUYẾT THẮNG	PVD1	60-61	2	10		55	PVDRILLIN	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN TUÂN	PVD1	75	1	6		67	PVDRILLIN	Vietnamese
18	HOÀNG TRUNG KIẾN	PVD1	63	1	7		73	PVDRILLIN	Vietnamese
19	CAO HỮU PHƯỚC	PVD1	82	1	10		57	PVDRILLIN	Vietnamese
20	VŨ VĂN TRUNG	PVD1	70	1	8		71	PVDRILLIN	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN LỘC	PVD1	64	1	5		70	PVDRILLIN	Vietnamese
22	NGUYỄN LINH	PVD1	65	1	5		85	PVDRILLIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	22	25	164	1.531	24	19		
2	BK4	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		22	25	164	1.531	64	21		
WEIGHT KG				164	1.531	64			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: P2 - BK16 - GTC1	CREW: Nam - N.Anh - Q.Trường	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG BÁ ĐIỀU	P2	92-93	2	15		55	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH DỪNG	P2	84-85	2	15	80	80	VIỆN DKV	Vietnamese
3	LÊ THAI SƠN	P2	86	1	12		80	VIỆN DKV	Vietnamese
4	DƯƠNG ĐỨC HIỆU	P2	01	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN SƠN TRƯỞNG	P2	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC HIẾN	P2	04	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	P2	07-08	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC HUY	P2	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	09	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN ĐỒNG	P2	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN TỰ	P2	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VĂN HIỆU	P2	10	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN NAM	P2	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN ĐĂNG TUẤN	P2	03	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG MINH ĐỨC	P2	88	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	05	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	06	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	BK16	89	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC LƯƠNG	BK16	87-88	2	17	30	70	XAYLAP	Vietnamese
21	DƯƠNG VĂN TUẤN	BK16	86	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	21	130	1.245	80	17		CHUYỂN 1 PAX BK16-GTC1
2	BK16	3	4	31	215	30	1	1	
3	GTC1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	25	161	1.460	110	18		
WEIGHT KG				161	1.460	110			

GRAND TOTAL: 1.731 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2022	TO: PPD - BK8 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Phong - XTrường - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU CHI KIEN	PPD	33	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC CU	PPD	35	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DUC MANH	PPD	37	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LE XUAN THANG	PPD	34	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG TRUONG LAM	PPD	36	1	5	45	72	KHI	Vietnamese
6	TRAN SON HAI	PPD	08	1	5		74	KHI	Vietnamese
7	TRAN NGOC TRUNG	PPD	09	1	14		66	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN BINH	PPD	29-30	2	10		74	KHI	Vietnamese
9	PHAM VAN CUONG	PPD	31-32	2	10		53	KHI	Vietnamese
10	VU VAN THANH	PPD	10-11	2	15	32	57	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TAT HOA	BK8	11	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU HA	BK8	92	1	9		56	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN THUAN	BK8	15	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN THANH SON	BK8	13-14	2	8		55	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM TIEN DUNG	BK8	12	1	10	20	71	CODIEN	Vietnamese
16	HOANG THANH TUYEN	BK8	09.93	2	12		77	CODIEN	Vietnamese
17	BUI DAC CANH	BK8	26	1	5		66	PSV	Vietnamese
18	LE HAI HOA	BK8	10	1	10		84	DK9	Vietnamese
19	QUACH THANH DO	BK8	16-17	2	12		60	DK9	Vietnamese
20	DO VAN HUNG	TD2	41	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
21	DAO VAN MINH	TD2	40	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM VAN THANG	TD2	39	1	2		84	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	13	92	667	77	6	1	CHUYEN 1 PAX PPD-BK8
2	BK8	9	12	78	623	20	7		
3	TD2	3	3	12	220	0	9		
TOTAL		22	28	182	1.510	97	22		
WEIGHT KG				182	1.510	97			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: P3 - BK10 - P2	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - thông	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH HOANG NGUYEN	P3	72	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN LINH	P3	71	1	3	40	78	NIPI	Vietnamese
3	TRAN KHOA TRUONG	P3	56	1	7		68	NIPI	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TINH	P3	70	1	6		67	DK9	Vietnamese
5	TRAN CONG HOAN	BK10	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH SON	BK10	82	1	5	35	74	PSV	Vietnamese
7	BUI THO DUNG	P2	71	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN HUNG	P2	68	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN PHONG	P2	75	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN QUYEN	P2	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN CONG THANH	P2	81	1	8	40	78	KH-THAC	Vietnamese
12	TANG MANH HA	P2	79	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	K LING	P2	76	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	LE NGOC HAI	P2	72	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
15	VU NGOC DUNG	P2	800	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC DU	P2	70	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	LE DINH HUAN	P2	73	1	5		49	KH-THAC	Vietnamese
18	LE SINH TAM	P2	69	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN HUU KHANH,	P2	82	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM THANH HUNG	P2	74	1	4		63	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC KHANH	P2	77-78	2	8		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	4	4	24	281	40	0		CHUYEN 2 PAX BK10-P2
2	BK10	2	2	10	139	35	1+2		
3	P2	15	16	88	1.060	40	15		
TOTAL		21	22	122	1.480	115	16		
WEIGHT KG				122	1.480	115			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	TO: RP2 - CTK3 - BK6	CREW: Linh - Dương - DTùng	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG VĂN QUYỀN	RP2	49,400	2	17		63	YTE	Vietnamese
2	KHALIMOV A.	RP2	15	1	15		90	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	05	1	2		85	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH XUÂN GIANG	RP2	01	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BÌNH LONG	RP2	08	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	98	1	10	28	75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	02	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN DUNG	RP2	03	1	4	50	60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	16	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	06	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT NHƯỠNG	RP2	04	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BÀ DUY	RP2	12	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	14	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ LAM	RP2	96	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2	97	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	07	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN TÂN TÀI	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
19	VÕ HOÀNG CẨM	RP2	10-11	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2	09	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CANH HUNG	CTK3	61-63	3	17	70	65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	20	21	141	1,401	78	12		
2	CTK3	1	3	17	65	70	5		
3	BK6	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	24	158	1,466	148	20		
WEIGHT KG				158	1,466	148			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	TO: PVD1 - CTC1	CREW: CHIẾN - MTHAO - Huy	ETA: 13:35
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT HÙNG	PVD1	21	1	5		60	PVDRILLI	Vietnamese
2	TRẦN THANH TUYẾN	PVD1	32	1	8		60	PVDRILLI	Vietnamese
3	HỒ MINH PHÚC	PVD1	19	1	6		86	PVDRILLI	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HUY	PVD1	18	1	8		55	PVDRILLI	Vietnamese
5	ĐINH CAO CUÔNG	PVD1	20	1	7		60	PVDRILLI	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG KHANH	PVD1	34	1	9		84	PVDRILLI	Vietnamese
7	TRƯƠNG KIM ĐỊNH	PVD1	07,37	2	15		54	PVDRILLI	Vietnamese
8	TRẦN ANH DUNG	PVD1	86,40	2	18		70	PVDRILLI	Vietnamese
9	CAO XUÂN VINH	PVD1	17	1	15		86	PVDRILLI	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG QUY	PVD1	27	1	12		63	PVDRILLI	Vietnamese
11	ĐINH QUANG HUY	PVD1	25	1	6		60	PVDRILLI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN SƠN	PVD1	26	1	8		80	PVDRILLI	Vietnamese
13	ĐO VĂN HUY	PVD1	35-36	2	12		70	PVDRILLI	Vietnamese
14	TRƯƠNG ĐỨC THỌ	PVD1	06	1	10		68	PVDRILLI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TÂN	PVD1	30-31	2	19		60	PVD-BH	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	PVD1	22	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
17	BUI THAI QUY	PVD1	33	1	12		77	KHOAN	Vietnamese
18	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	PVD1	23-24	2	18	14	80	DVL	Vietnamese
19	MAI VĂN DƯƠNG	PVD1	29	1	12		85	DVL	Vietnamese
20	BÀN PHÚC LONG	PVD1	28	1	12		68	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC TUẤN	PVD1	04-05	2	18		77	DVL	Vietnamese
22	ĐÀU HUY HOANG	CTC1	91	1	12	70	68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	21	27	240	1.466	14	19		
2	CTC1	1	1	12	68	70	2		
TOTAL		22	28	252	1.534	84	21		
WEIGHT KG				252	1.534	84			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2022	TO: P1 - RC3 - RP2	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:00
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - thông	ETA: 13:40
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIỀU TUÂN ANH	P1	36	1	10		70	DK9	Vietnamese
2	VU LE TRUNG	RC3	15	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO KHANH NAM	RC3	13-14	2	8		76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THE MANH	RC3	12	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG MINH KHANH	RC3	16	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	LE NGUYEN	RC3	17-18	2	18	25	75	NIPI	Vietnamese
7	PHAM HONG DIEN	RC3	11	1	5	27	70	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC MANH	RC3	20-21	2	15		72	PVGAS	Vietnamese
9	NGUYEN TUAN BINH	RC3	22	1	5	100	62	PVGAS	Vietnamese
10	VU HUU QUAN	RP2	36	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VIET TRUONG	RP2	40	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG NGOC LAN	RP2	41	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	VU HOANG QUAN	RP2	42	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
14	PHAM DINH VAN	RP2	39	1	5		75	GETRACO	Vietnamese
15	CAO DUY LUNG	RP2	38	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYEN TUAN KIET	RP2	37	1	8	45	70	NAM TIEN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TRA	RP2	31-32	2	10		72	NAM TIEN	Vietnamese
18	HOANG VAN TOAN	RP2	34-35	2	17		66	NAM TIEN	Vietnamese
19	LE DAI DUNG	RP2	33	1	8		68	NAM TIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	1	1	10	70	0	0+2		CHUYEN 2 PAX P1-RP2
2	RC3	8	11	66	558	152	7		
3	RP2	10	12	79	674	45	14		
TOTAL		19	24	155	1.302	197	21		
WEIGHT KG				155	1.302	197			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN